

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+CLO+P5	7:25	7+13+0	0+0+0		0+17+1	0+0+0	DUA GAP BS DI P5
2		GTCL+BK16+TD5+TD3	7:25	5+5+6+0	0+0+0+0		0+0+0+18	0+0+0+0	TD3 NGUOI NHA MAT
3		TD1-MRM+TD1	9:25	17+2+0	0+0+0		0+2+17	0+0+0	Chuyen 13 MRM-TD1

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK4 - CLO - P5	CREW: Phong - Duong - Huy	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG MINH THANG	BK4	39	1	9	6	70	XAYLAP	Vietnamese
2	LE VAN THANG	BK4	32-33	2	20	15	70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DUC HIEP	BK4	35-36	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THE	BK4	30	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN TUAN LINH	BK4	31	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
6	LAM QUANG QUY	BK4	34	1	20		77	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TUAN	BK4	37-38	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
8	KIRICHENKO K.P	CLO	01	1	7		79	KHOAN	Rus
9	NGUYEN VAN TRUNG	CLO				60	82	KHOAN	Vietnamese
10	LA VIET HUNG	CLO	05	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUANG HUY	CLO	11	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN LY	CLO	09	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN LONG	CLO	03	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
14	HA QUOC DUNG*PK-PVD	CLO	04	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN DONG	CLO	10	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM NAM HAI	CLO	08	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
17	LE XUAN THANG	CLO	06-07	2	18		78	KHOAN	Vietnamese
18	DUONG QUOC VIET	CLO	13-14	2	13		86	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DINH PHUONG	CLO	02	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG CAO TRI	P5	32-35	4	20		70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	7	10	109	486	21	0		
2	CLO	12	14	86	894	60	17		
3	P5	1	4	20	70	0	4		
TOTAL		20	28	215	1.450	81	21		
WEIGHT KG				215	1.450	81			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

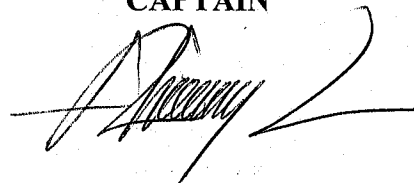
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: GTC1 - BK16 - TD5 - TD3	CREW: Hôi - KHOÀN - QTrưởng	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THỊNH TUÂN HAI	GTC1	27	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HIỀN	GTC1	21-22	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN ĐỨC NGUYỄN	GTC1	23-24	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	GTC1	25-26	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC VƯƠNG	GTC1	20	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN QUỐC	BK16	26-27	2	12		74	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ VĂN KHA	BK16	25	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRĂNG	BK16	29-30	2	13		64	XAYLAP	Vietnamese
9	HÀ ĐỨC KHANH	BK16	24	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
10	PHÙNG VĂN CUÔNG	BK16	28	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ NGỌC TỬ	TD5	42	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ NGỌC BÈN	TD5	45	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC SANG	TD5	44	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TRUNG	TD5	46	1	15	15	75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN AN NINH	TD5	41	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THAI THANH	TD5	43	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	5	8	71	366	0	0		
2	BK16	5	7	54	351	0	0		
3	TD5	6	6	74	439	15	0		
4	TD3	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		16	21	199	1.156	15	10		
WEIGHT KG				199	1.156	15			

GRAND TOAL: 1.370 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 08:50
FLIGHT: 03	TO: TD1 - MRM - TD1.	CREW: Phong - Dương - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY KHIÊM	TD1	29	1	11		70	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	32	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VĂN NAM	TD1	28	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	31	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LÃNG	TD1					80	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	63	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG ANH TUẤN	TD1	33	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TOÀN THẮNG-PVD	TD1	27	1	11	80	74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	30	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG NGỌC QUÂN-PVD	TD1	64-65	2	13		76	KHOAN	Vietnamese
13	TÔNG TIẾN QUANG	TD1	26	1	15		75	DVL	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HƯƠNG	TD1	25	1	12		95	DVL	Vietnamese
15	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD1	66	1	13		77	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC BẢO	TD1	67-68	2	19		80	DVL	Vietnamese
17	BOIKO DENIS	TD1	72	1	13		117	KH-THAC	Russian
18	PHẠM VĂN KỶ	TD1	73	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN DUNG	TD1	70-71	2	20		88	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	MRM	75	1	14		75	DVL	Vietnamese
21	NHÂM ĐỨC TUẤN	MRM	76-77	2	11		74	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	19	169	1.483	80	0		CHUYEN 13 PAX MRM SANG TD1
2	MRM	2	3	25	149	0	2		
3	TD1.	0	0	0	0	0	17		
TOTAL		21	22	194	1.632	80	19		
WEIGHT KG				194	1.632	80			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN